

PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị phối hợp
A	CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN NGÀNH GDĐT			
I	Đến năm 2030			
1	Đạt tỷ lệ 300 phòng học trên 10.000 dân số trong độ tuổi từ 3 đến 18	Phòng/10.000 dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp TPHCM, và các Ban liên quan; UBND xã, phường, đặc khu.
2	Báo cáo thực hiện tính toán, phân bổ và xác định chỉ tiêu dân số trong quy hoạch đô thị tại xã, phường, đặc khu giai đoạn 2030-2045	Báo cáo (theo 2030; 2035; 2045)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở ngành; Chi cục thống kê TP.HCM; UBND xã, phường, đặc khu.
3	Phấn đấu ít nhất 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia;	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
4	Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 38% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 97% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
6	Phấn đấu 100% trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
7	90% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định hiện hành.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị phối hợp
8	Phân đầu tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày đạt 90%	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
9	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND xã, phường, đặc khu
10	80% phường xã hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND xã, phường, đặc khu
11	Tỉ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở là 99,5%, tỉ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,9%	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND xã, phường, đặc khu
12	Tỉ lệ chuyển cấp từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và tương đương là 95%	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
13	Phân đầu đạt tối thiểu 50% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trình độ ngoại ngữ A1 – A1+ hoặc tương đương.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
14	Phân đầu đạt tối thiểu 50% học sinh hoàn thành chương trình THCS đạt cấp độ ngoại ngữ từ A2 – A2+ và hoàn thành chương trình THPT đạt từ B1 – B1+ hoặc tương đương.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
15	Phân đầu đạt từ 30% đến 40% học sinh đạt chứng chỉ tin học, ngoại ngữ quốc tế (trường chất lượng cao tỉ lệ 50%).	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
16	Phân đầu mỗi phường/xã/đặc khu có ít nhất 01 trường ở mỗi cấp học thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của Thành phố	Trường	UBND phường, xã đặc khu	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở ngành liên quan
17	90% học sinh phổ thông sau TN THPT biết chơi ít nhất 1 môn nghệ thuật/nhạc cụ và luyện tập ít nhất 1 môn thể thao	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
18	100% cơ sở giáo dục kết nối với các cấp quản lý giáo dục, cơ sở dữ liệu quốc gia và địa phương	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị phối hợp
18.1	1000 cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn Trường học số	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
18.2	100% các cơ sở giáo dục phổ thông có tối thiểu 01 phòng học số đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để tổ chức các hoạt động tương tác trên môi trường số.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
18.3	100% học sinh được tiếp cận môi trường số phục vụ học tập hướng tương tác tích cực (interactive oriented learning environments)	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
18.4	100% cơ sở giáo dục triển khai nền tảng AI phân tích dữ liệu hoạt động của nhà trường hỗ trợ giáo viên trong nâng cao hiệu quả công tác dạy học và định hướng học tập cho học sinh.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
18.5	100% các cơ sở giáo dục triển khai các giải pháp công nghệ trong hoạt động dạy học và quản lý nhà trường;	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
19	100% người học và nhà giáo của Thành phố có đủ điều kiện tiếp cận có hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và các hoạt động dạy - học trực tuyến	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
20	Hoàn thành các nội dung đạt mục tiêu của đề án Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030; 100%TTHTCĐ có kho học liệu số về các khóa học ngắn hạn	Theo từng tiêu chí	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
21	Đến năm 2030, phần đầu đạt 80% học sinh, sinh viên được tư vấn hướng nghiệp và việc làm; trên 60% học sinh, sinh viên được đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, ưu tiên việc làm tại chỗ.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
22	Đến năm 2030, ít nhất 70% học sinh, sinh viên sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị phối hợp
23	Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục đại học trực thuộc và ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia, 20% cơ sở được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
24	Tỉ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%. Tỉ lệ người lao động có trình độ cao đẳng trở lên đạt 24%.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
25	Trên 20% chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài có ngành đào tạo của cơ sở giáo dục nước ngoài xếp hạng top 500 thế giới trở lên; nâng tỉ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh lấy bằng của Việt Nam đạt 1,5%	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
26	Nâng tỉ lệ tổng số giảng viên của Thành phố Hồ Chí Minh đi và số giảng viên của nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật hằng năm lên 8% trên tổng số giảng viên ở các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
27	80% cơ sở giáo dục đại học có ít nhất 03 đề tài, chương trình nghiên cứu chung hoặc dự án hợp tác với nước ngoài hằng năm	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
28	Trên 20% chương trình đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định nước ngoài có uy tín	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
29	Lựa chọn, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á cho 02 trường cao đẳng công lập thuộc Thành phố (tương đương khoảng 10% trường cao đẳng công lập thuộc Thành phố)	Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
II	Đến năm 2035			
30	Tiếp tục lựa chọn, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á cho các trường cao	Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị phối hợp
	đăng công lập thuộc Thành phố.			
31	Nâng tỉ lệ người lao động có trình độ cao đẳng đạt khoảng 30% trong tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn Thành phố.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
III	Đến năm 2045			
32	Có khoảng 60% lực lượng lao động được đào tạo lại, đào tạo thường xuyên;	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
33	100% nhà giáo đạt chuẩn; cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại; ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
34	Phấn đấu tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày đạt 100%.	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành, UBND xã, phường, đặc khu
B	CHỈ TIÊU LIÊN QUAN NGÀNH GD-ĐT			
35	100% trường học và cơ sở giáo dục trên địa bàn hoàn thành việc học tập, quán triệt Nghị quyết số 71-NQ/TW;	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND xã, phường, đặc khu
36	Đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho giáo dục đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách của Thành phố, trong đó chi đầu tư đạt từ 5% trở lên và chi cho giáo dục đại học đạt ít nhất 3%.	%	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ, UBND xã, phường, đặc khu
37	Bảo đảm 100% phường, xã, đặc khu trên địa bàn Thành phố có quy hoạch quỹ đất giáo dục được cập nhật, công khai trên hệ thống thông tin quy hoạch. Đồng thời, tối thiểu 70% kiến nghị, đề xuất liên quan đến thể chế được cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc có phản hồi rõ ràng trong năm, góp phần tháo gỡ các rào cản chính sách trong ngành giáo dục.	%	UBND xã, phường, đặc khu	Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Nông nghiệp và Môi trường.
38	Hàng năm, 30% số ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh	%	Sở Giáo dục	Sở Công thương; Sở ngành liên quan

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị phối hợp
	viên (được đánh giá là khả thi) được kết nối với các doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc được hỗ trợ đầu tư từ các nguồn kinh phí phù hợp.		và Đào tạo	